

Bản án số: 27/2020/DS-ST

Ngày: 21/12/2020

Về việc: “*Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Th –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị B -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST – DS ngày 20/10/2020 về việc: “Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – DS ngày 30/11/2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hưng K, Sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 1, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức N, sinh năm 1961. Địa chỉ: 203 Phan Đình PH, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Phạm Việt H. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt không có lý do.

- Người làm chứng:

1. Anh Đào Văn L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trương Công T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 3, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Xuân H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 1, xã Trà Đa, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Lê Trung Kh, sinh năm 1985. Địa chỉ: 45/4 Phan Đình Giót, phường Hoa Lư, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1966. Địa chỉ: xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh Lê Quý X, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 25 khu vực H, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Anh Lê Quang H, sinh năm 1957. Địa chỉ: 45/4 Phan Đình Giót, phường Hoa Lư, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Anh Lê Văn Th, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Liên Miếu, xã Kỳ Thu, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953. Địa chỉ: Trà Bá, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hưng K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Đức N trình bày:

Vào năm 2016 ông Lê Hưng K làm nghề nhận thầu khai thác gỗ. Ông K sang tỉnh Attapeu – Lào để nhận khai thác gỗ cho các doanh nghiệp có giấy tờ khai thác hợp pháp. Trong quá trình nhận thầu khai thác gỗ đó, ông Lê Hưng K có nhận khai thác gỗ cho ông Phạm Việt H. Ông Lê Hưng K đã gọi công và thực hiện việc khai thác gỗ cho ông Phạm Việt H. Ông Lê Hưng K đã giao cho ông Phạm Việt H 2.930,514 m³ gỗ, trừ 10% còn 2.644,427 m³ gỗ. Gỗ bo ra bãi ngoài 2.574,782 m³. Tổng cộng ông K quy ra tiền công là 149.197,45 USD. Ông Lê Hưng K đã tạm ứng số tiền 53.250 USD. Số tiền còn lại ông H còn phải trả cho ông K là $149.197,45 - 53.250 = 95.947,45$ USD, số tiền này từ năm 2016 cho đến nay ông Phạm Việt H chưa thanh toán.

Số tiền trên là tiền công ông Lê Hưng K nợ công nhân khai thác, từ năm 2016 đến nay ông K đã phải vay mượn để trả dần tiền công cho công nhân khai thác số gỗ trên, nhưng vẫn không thể trả hết, các công nhân đã đòi ông K nhiều lần, chính vì vậy ông K cũng đã đòi ông H rất nhiều lần, nhưng ông H lại cho rằng đây là khoản làm ăn chung với người khác nên ông H khất từ từ mới trả. Tuy nhiên, khi nhận khai thác gỗ ông Lê Hưng K chỉ làm việc với ông Phạm Việt H, hai bên thỏa thuận trực tiếp giao hiện trường khai thác, giao gỗ và thanh toán tiền trực tiếp cho nhau. Ông Lê Hưng K và thủ kho của ông Lê Hưng K là ông Lê Quý X đã giao gỗ trực tiếp cho ông Phạm Việt H, bản thân ông K đã tạm ứng số tiền 53.250 USD từ ông Phạm Việt H. Số tiền còn lại ông K yêu cầu ông H phải trả là 95.947,45 USD, tạm quy ra tiền Việt Nam đồng là 2.224.541.600 đồng (23.185 đồng/1USD).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Đức N đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông Lê Hưng K số tiền là 2.224.541.600 đồng (23.185 đồng/1USD).

2. Buộc ông Phạm Việt H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Phạm Việt H. Tuy nhiên, hiện nay ông Phạm Việt H không có mặt tại địa phương, nơi cư trú nên không thể làm việc trực tiếp được với ông H và không thể tổng đạt được các thủ tục tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn ông Phạm Việt H vẫn vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải được, đã gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết tổng đạt hợp lệ để xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Việt H. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư K phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày hôm nay, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật là đã tự từ bỏ quyền tự chứng minh của mình.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 280, 281, 290, 305 Bộ luật dân sự năm 2005 (Nay là các Điều 274, 275, 280, 357 Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh ngoại hối chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông K số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá đồng đô la của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử là 2.221.087.520đ (1 USD = 23.149 đồng).

Ngoài ra, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện*: Ông Lê Hưng K khởi kiện cho rằng ông Phạm Việt H chậm trả số tiền khai thác gỗ vào năm 2016 tại Attapue – Lào đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của ông K nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hưng K.

[2] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Nguyên đơn ông Lê Hưng K là người nhận khai thác gỗ. Bị đơn ông Phạm Việt H là người thuê khai thác gỗ và đã K nhận số gỗ mà ông K khai thác, quy ra số tiền công là 149.197,45 USD, tuy nhiên từ năm 2016 cho đến nay ông H không trả số tiền còn thiếu cho ông K. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Bị đơn ông Phạm Việt H có địa chỉ tại: Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, đây là tranh chấp quan hệ giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt hợp lệ quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã xác minh. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/11/2020 Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] *Về nội dung vụ án*: Qua lời khai của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở để khẳng định:

Năm 2016 ông Lê Hưng K và ông Phạm Việt H có thỏa thuận với nhau về việc nhận thầu khai thác gỗ, ngày 30/5/2016 ông Lê Hưng K đã giao cho ông Phạm Việt H 2.930,514 m³ gỗ, trừ 10% còn 2.644,427 m³ gỗ. Gỗ bo ra bãi ngoài 2.574,782 m³ gỗ. Tổng cộng ông K quy ra tiền công là 149.197,45 USD, ông Lê Hưng K đã nhận trước số tiền 53.250 USD, số tiền còn lại là 95.947,45 USD. Sau đó, ông K đã đòi số tiền này nhiều lần nhưng ông H không trả. Thấy rằng:

- Đối với list gỗ ngày 30/5/2019 tại Attapue – Lào, thể hiện khối lượng gỗ

trong ba đợt tổng cộng là 2.930,514 m³, trừ đi 10% còn 2.644,427m³, gỗ bo ra bãi ngoài 2.574,782 m³, thành tiền (USD) là 149.197.45 USD. Bên nhận ông Phạm Việt H, bên giao ông Lê Quý X, chủ khai thác ông Lê Hưng K. Các bên đã K nhận và thể hiện việc giao dịch là có thật. (BL 01-10)

- Đối với số tiền ông Lê Hưng K ứng ông Phạm Việt H đi khai thác gỗ năm 2016 thể hiện nhận làm 9 đợt, tổng cộng 53.250 USD có tên của ông Phạm Việt H. (BL26)

- Tại đĩa CD do nguyên đơn cung cấp và bản nội dung cuộc đối thoại thể hiện: Cuộc đối thoại được thực hiện vào tháng 4 và tháng 5 năm 2019 tại nhà ông Phạm Việt H. Địa chỉ: Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là cuộc đối thoại trực tiếp giữa ông Lê Hưng K và ông Phạm Việt H. Trong đoạn ghi âm thể hiện ông Phạm Việt H thừa nhận có nợ tiền khai thác gỗ của ông Lê Hưng K cách đây 3 năm, ông Phạm Việt H cho rằng ông H làm chung với một người tên Bình. Nay, làm ăn thua lỗ ông Bình phải chịu một nửa số tiền cùng với ông H để trả cho ông K. Tuy nhiên, trong list gỗ ngày 30/5/2016 chỉ có chữ K xác nhận của ông Phạm Việt H, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ gì khác thể hiện ông H có làm ăn với ai khác. Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2019 nguyên đơn ông Lê Hưng K chỉ khởi kiện ông Phạm Việt H, ngoài ra không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác có liên quan đến người tên Bình như ông Phạm Việt H nói trong đoạn ghi âm. (BL 79-88).

Lời khai của người làm chứng tại phiên tòa hôm nay cũng như lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án cũng xác nhận, có làm công khai thác cho ông Lê Hưng K tại Attapue – Lào vào năm 2016 là có thật. Riêng lời khai của ông Lê Quý X là thủ kho và là người trực tiếp giao gỗ cho ông Phạm Việt H thể hiện năm 2016 ông X có làm công cho ông Lê Hưng K, vào ngày 30/5/2016 ông X có giao gỗ cho ông Phạm Việt H, địa điểm giao tại km 52 Huyện Mườn Cầu, tỉnh Attapue – Lào với số lượng gỗ như đơn khởi kiện ông K đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật.

- Ngày 21/12/2020 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi cho Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà công văn số 526/KTU-THNSKNB về việc cung cấp thông tin tỷ giá USD, thì tỷ giá trung tâm đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, áp dụng cho ngày 21/12/2020 là: **1 Đô la Mỹ bằng 23.149 đồng** (Hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi chín Đồng Việt Nam).

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định ông Phạm Việt H có nợ tiền khai thác gỗ của ông Lê Hưng K và đến thời điểm hiện tại số tiền còn nợ là 95.947,45 USD, nên buộc ông Phạm Việt H phải thanh toán số tiền trên cho ông Lê Hưng K là phù hợp.

Áp dụng công văn số 526/KTU-THNSKNB ngày 21/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối chiếu với yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hưng K, thì tỷ giá USD của Ngân hàng nhà nước thấp hơn yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ theo tỷ giá của Ngân hàng nhà nước để áp dụng quy đổi USD trong vụ án này là phù hợp. 1 USD = 23.149 đồng, 95.947,45 USD =

2.221.087.520đồng. Lãi suất đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Theo đó, số tiền án phí là: 72.000.000 đồng $+ [(2.221.087.520 \text{đồng} - 2.000.000.000. \text{đồng}) \times 2\%] = 76.421.750 \text{đồng}$ (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 351, 352, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hưng K về việc “*Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự*” đề ngày 05/12/2019.

[1] Buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông Lê Hưng K số tiền là 2.221.087.520đồng (*Hai tỷ hai trăm hai mươi một triệu không trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Hưng K có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông Phạm Việt H không trả đúng, trả đủ số tiền nêu trên thì ông Phạm Việt H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2] Về án phí: Buộc ông Phạm Việt H phải chịu số tiền 76.421.750 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) Ông Lê Hưng K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Hưng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum là 38.245.416 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm mười sáu đồng*) theo biên lai số AA/2016/0000675 ngày 06/12/2019.

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (21/12/2020) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn ông Phạm Việt H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

